

Jacob &
Wilhelm
Grimm

TRUYỆN CỔ GRIMM



Ấn bản đầy đủ nhất
kèm 184 minh họa

Hữu Ngọc, Lương Văn Hồng,
Nguy Hữu Tâm dịch

TRUYỆN CỔ
GRIMM



*Wilhelm Grimm và Jacob Grimm, tranh khắc của L. Sichling
in trong cuốn Từ điển tiếng Đức, nhà xuất bản S. Hirzel Leipzig*

JACOB & WILHELM GRIMM

TRUYỆN CỔ GRIMM

Tái bản lần thứ nhất

Với 184 minh họa của

PHILIPP GROT JOHANN và ROBERT LEINWEBER

HỮU NGỌC, LƯƠNG VĂN HỒNG, NGUYỄN HỮU TÂM *dịch*

ẤN BẢN ĐÂY ĐỦ DÀNH CHO NGƯỜI SƯU TÂM VÀ CHƠI SÁCH



Dịch từ tiếng Đức.

Minh họa: Philipp Grot Johann và Robert Leinweber,
theo bản *Grimm's Märchen*, Deutsche Verlags-Anstalt, München, đầu thế kỷ XX.

Bản quyền bản tiếng Việt © Hữu Ngọc, Lương Văn Hồng, Ngụy Hữu Tâm.

Tác quyền đã được bảo hộ. Không được tái bản, sử dụng hay lưu truyền
dưới bất kỳ hình thức hay bằng bất cứ phương tiện nào từ điện tử, máy móc,
sao chép, ghi âm cho đến các hình thức khác khi chưa có sự đồng ý trước
bằng văn bản của người nắm giữ tác quyền.

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 1812, ấn bản đầu tiên của tập truyện *Kinder- und Hausmärchen* (Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình) đã ra đời tại Berlin, và lập tức gây được tiếng vang trong cộng đồng những nhà nghiên cứu ở Đức. Nhưng hẳn không một học giả nào tại thời điểm đó, hay thậm chí là những tác giả của tập truyện, có thể hình dung được giá trị và sức ảnh hưởng mà tập truyện mang lại trên toàn cầu, trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử nhân loại. Đến tận ngày nay, hơn 200 năm sau ngày phát hành ấn bản đầu tiên, tập truyện vẫn được dịch và tái bản thường xuyên ở hàng trăm quốc gia, tiếp tục nuôi dưỡng những tâm hồn trẻ thơ, tưới tắm cho trí tưởng tượng thông qua các câu chuyện kỳ ảo, được gọi chung với cái tên quen thuộc: *Truyện cổ Grimm*.

Như chính tên tập truyện đã gợi rõ, tác giả của *Truyện cổ Grimm* là hai anh em Jacob Ludwig Karl Grimm (1785 – 1863) và Wilhelm Carl Grimm (1786 – 1859) – con thứ hai và thứ ba trong gia đình chín người con của nhà Grimm. Hai anh em đã trải qua thời thơ ấu tại Hanau, Hessen (Đức) – đây cũng là nơi họ thu thập các chuyện kể đầu tiên trong những năm về sau. Đến năm 1796, người cha mất đột ngột, cả gia đình rời vào cảnh túng quẫn. Hai năm sau đó, hai anh em chuyển đến quê mẹ ở Kassel, sống nhờ vào tiền trợ cấp của người dì để chuẩn bị cho việc học lên cao. Họ cùng theo học tại Đại học Marburg với dự định tiếp nối nghiệp luật gia của người cha đã mất, nhưng chính mối quan hệ với giáo sư Friedrich Karl von Savigny tại Marburg đã ảnh hưởng đến định hướng của họ và đặt nền móng cho công việc thu thập các chuyện cổ dân gian về sau.

Trong thời điểm đó, chủ nghĩa lãng mạn đang phát triển mạnh mẽ tại Tây Âu, đề cao mong tưởng của con người và có xu hướng tìm về quá khứ. Nước Đức cũng không nằm ngoài xu hướng phát triển đó, dẫn đến

ngày càng có nhiều học giả người Đức tiến hành các công trình nghiên cứu về bảo tồn nền tảng thơ ca dân tộc, văn học dân gian, văn học thiếu nhi... Tiêu biểu có thể kể đến là bộ đôi nhà thơ Clemens Brentano và Achim von Arnim với tuyển tập *Des Knaben Wunderhorn* (tạm dịch: Chiếc tù và ma thuật của cậu bé) xuất bản năm 1805 – 1808, gồm các chuyện kể, thơ, dân ca đa dạng. Bộ đôi nhà thơ này là bạn thân chí cốt với giáo sư Friedrich Karl von Savigny, và chính giáo sư đã giới thiệu họ với anh em nhà Grimm. Chịu ảnh hưởng từ những trí thức lão làng ấy, hai anh em đã bắt đầu dấn thân vào công cuộc nghiên cứu ngôn ngữ – văn hóa nước Đức, và sau đạt được những thành tựu nhất định: phát triển hoàn chỉnh luật Grimm¹ trong ngôn ngữ học, soạn bộ từ điển chuẩn hóa tiếng Đức *Deutsches Wörterbuch* (chỉ mới hoàn thành đến mục F khi anh em nhà Grimm qua đời).

Mặc dù rất thành công trong vai trò các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, nhưng công trình thật sự để lại dấu ấn và tên tuổi của anh em nhà Grimm là sưu tầm chuyện dân gian Đức. Cơ duyên bắt đầu khoảng từ năm 1805 – 1806, nhà thơ Clemens Brentano nhờ họ thu thập các tác phẩm dân gian để sử dụng trong sáng tác kế tiếp. Đến năm 1810, anh em nhà Grimm đã ghi chép hoàn chỉnh hơn 50 câu chuyện để gửi cho Brentano, nhưng cuối cùng thì tác phẩm của nhà thơ không bao giờ được xuất bản, và bản thảo cũng không được gửi trả lại. Mong muốn gìn giữ phong tục kể chuyện cũng như niềm đam mê sưu tầm chuyện dân gian không bị mất đi, nên anh em nhà Grimm đã tiếp tục tìm kiếm để bổ sung thêm nhiều câu chuyện mới vào tuyển tập. Với sự ủng hộ của nhà thơ Achim von Arnim, tập truyện *Kinder-und Hausmärchen* (Chuyện kể cho trẻ em và trong gia đình) đã chính thức xuất bản năm 1812, trong đó tổng cộng có 86 truyện. Không dừng lại ở đó, họ không ngừng sưu tầm những chuyện mới (bao gồm chuyện cổ tích, chuyện thần thoại mang tính tôn giáo, ngũ ngôn các loài vật và chuyện cười), chỉnh sửa các bản cũ để tái bản tuyển tập đến bảy lần trước khi Wilhelm Grimm mất vào năm 1859, và Jacob cũng ra đi năm 1863.

Vì lẽ đó, tuy tên tuổi gắn liền với các câu chuyện thiếu nhi đọc trước giờ đi ngủ của hàng triệu triệu em bé trên toàn thế giới, nhưng hai anh

1. Tập hợp các phát biểu của Jacob Grimm và Rasmus Rask, mô tả cách phụ âm tắc trong ngôn ngữ Áo – Âu nguyên thủy được phát âm trong tiếng Đức nguyên thủy. (Đông A – Đ.A.)

em Grimm chưa bao giờ là nhà văn viết truyện cho trẻ em, mà là những nhà sưu tầm thực thụ, và chính tuyển tập *Truyện cổ Grimm* là công trình nghiên cứu vĩ đại nhất của họ. Jacob Grimm đã viết trong một lá thư gửi nhà thơ Arnim vào năm 1813: “Tôi không viết tập truyện này cho thiếu nhi, mặc dù tôi rất vui mừng khi các em chào đón nó đến thế; mà điều khiến tôi vui thích làm công việc này là vì tôi tin rằng tập truyện sẽ được ra mắt và tỏ rõ tầm quan trọng đối với nền thơ ca, thần thoại, lịch sử, dành cho những người trưởng thành và nghiêm túc, như chính bản thân tôi vậy.”¹ Dự định của Jacob và Wilhelm Grimm không phải là ghi chép truyện cổ tích cho trẻ con đọc, mà họ mong muốn sử dụng phương tiện chữ viết để gìn giữ nếp văn hóa, quan niệm sống và những giá trị tinh thần truyền thống của người dân Đức.

Trước anh em nhà Grimm, đã có nhiều nhà văn và học giả xuất bản các tuyển tập chuyện dân gian, tiêu biểu có thể kể đến nhà văn người Pháp Charles Perrault với bộ sưu tập truyện cổ tích *Les Contes de ma Mère l’Oye* (Chuyện mẹ Ngỗng), hay Johann Karl August Musäus với tuyển tập truyện trào phúng dân gian. Tuy vậy, các tác giả này chỉ xem chuyện cổ dân gian là chất liệu để họ sáng tạo thêm nội dung, trau chuốt về mặt từ ngữ, thổi hồn vào đó những câu chuyện rất riêng theo kiểu “bình cũ rượu mới”, với mục đích chính là châm biếm những thói hư tật xấu và truyền dạy đạo đức cho trẻ em. Còn quan điểm của anh em nhà Grimm là tôn trọng bản chất và giữ nguyên tính hồn hậu của các chuyện kể truyền miệng, tránh sự thay đổi, chỉnh sửa mang tính chủ quan. Bản thân họ đã giải thích rõ phương pháp thu thập này trong phần “Lời tựa cho lần in thứ hai”, đề năm 1819. Từ đây, Jacob và Wilhelm Grimm đã góp phần phát triển phương pháp nghiên cứu văn học dân gian, mở ra một hướng đi hiện đại cho các học giả và nhà sưu tầm. Phương pháp này tỏ rõ hiệu quả trong công cuộc giữ gìn bản sắc dân gian truyền thống của Đức, như nhà ngôn ngữ học Robert Laffont đã tinh tế nhận xét: “Ít có tác phẩm nào giúp chúng ta mất ít công phu mà vẫn cảm thông được cái thầm kín, sâu sắc và huyền bí của tâm hồn Đức như tập *Truyện cổ Grimm*.² Có lẽ điều này đã lý giải vì sao tuy không phải ngọn cờ tiên phong,

1. Dẫn theo tác phẩm nghiên cứu *Achim von Arnim und die ihm nahe stand* (tạm dịch: Achim von Arnim và những người thân cận) của Reinhold Steig. (Đ.A.)

2. Dẫn theo bản dịch của Hữu Ngọc, nhà xuất bản Văn học, năm 2017. (Đ.A.)

nhưng anh em nhà Grimm vẫn là những người thành công nhất trong việc đưa chuyện cổ dân gian đến với mọi nhà.

Cũng chính vì quan điểm giữ nguyên tính hồn hậu trong những câu chuyện kể mà anh em nhà Grimm đã nhận về nhiều chỉ trích xoay quanh các yếu tố giới tính và bạo lực khi tập truyện đầu tiên ra đời năm 1812, dẫn đến nhiều lần chỉnh lý, cắt gọt về sau. Tuy vậy, giá trị của những câu chuyện này vẫn được người đời sau ghi nhận và tôn vinh. Cái tên Jacob và Wilhelm Grimm không chỉ được vinh danh ở quê nhà, mà còn tạo ra ảnh hưởng sâu rộng đến nền văn hóa phương Tây hiện đại. Năm 2005, UNESCO đã công nhận *Truyện cổ Grimm* là di sản tư liệu thế giới với tuyên bố: “Công trình vĩ đại của nhà Grimm chẳng khác gì một tấm gương cầu lõm, nắm giữ cái hồn của những câu chuyện cổ tích từ các nền văn hóa, thay da đổi thịt cho chúng nên hình hài mới, rồi trưng bày ra như một truyền thống mới với tầm ảnh hưởng đến toàn thế giới. Tính mẫu mực của *Truyện cổ Grimm*, được minh chứng bởi sự nổi tiếng toàn cầu của nó, bắt nguồn từ chủ nghĩa lãng mạn Đức, mang chất thơ của trí tưởng tượng nhân loại, kết hợp với thể thức phù hợp cho tất cả mọi người. Tính độc đáo và toàn cầu của tập truyện này có thể đến từ thực tế là anh em nhà Grimm, trong công việc ghi chép truyền thống thời tiền văn học, đã vượt khỏi cái khung tham chiếu của Đức và châu Âu, để tạo ra một mô hình phổ quát cho truyện cổ tích xuyên văn hóa.”

Các độc giả Việt Nam khi đọc qua tuyển tập này hẳn sẽ thấy bản thân mỉm cười trước những điểm tương đồng không ngờ với chuyện kể dân gian của ta, nơi khát vọng sống của người dân luôn là sự ấm no – hạnh phúc, với các triết lý quen thuộc như “ở hiền gặp lành”, “thánh nhân đai kẻ khù khờ”, “ác giả ác báo”... Có lẽ chính những yếu tố thân thuộc mang trong mình văn hóa nhân loại như vậy đã giúp *Truyện cổ Grimm* thành công, mang tầm ảnh hưởng trên toàn thế giới và trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm văn học, âm nhạc, hội họa... về sau. Nếu có đâu đó thoáng chút xa lạ khi bạn đọc xem qua các truyện kể dân gian này, hẳn là vì những câu kết lạ lùng sau khi các nhân vật “sống hạnh phúc mãi mãi về sau”. Những câu kết có vẻ khá ngẫu hứng, không liên quan đến diễn biến truyện, mà giống như lời nói của người kể với người nghe sau khi kết thúc câu chuyện. Bạn đọc có thể thấy kiểu kết như vậy ở một số truyện như *Chú Hans lấy vợ*, *Hänsel và Gretel*, *Ba hạt hồ đào*... Đây là thủ pháp kết truyện khá đặc trưng của *Truyện cổ Grimm*, do hai

anh em nhà Grimm ghi chép lại một cách trung thành lối kể chuyện truyền miệng dân gian. Trong đó, người kể thường khép lại câu chuyện bằng đôi ba câu thơ ngắn để xua tan phong vị u buồn, hoặc thỉnh cầu một món tiền mọn như tưởng thưởng cho câu chuyện hay, thậm chí là đốc thúc người nghe hãy tiếp tục truyền miệng cho những nhà hàng xóm để câu chuyện được tồn tại vĩnh cửu với thời gian, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Với tinh thần giữ nguyên những giá trị truyền thống đặc sắc nhất trong các câu chuyện kể dân gian Đức, anh em nhà Grimm đã giữ lại những câu kết này, dù trông có vẻ khá lạ lẫm khi chúng được diễn giải dưới hình thức văn bản. Vì vậy, những độc giả nào hiểu thấu dụng ý tinh tế của các tác giả sẽ nhìn nhận đây là nét chấm phá độc đáo của loại hình chuyện kể dân gian, hơn là những lối dịch thuật thô sơ, vụng về, hay những câu văn vô thưởng vô phạt, chỉ hòng để mua vui cho tâm trí non nớt của con trẻ.

Tại Việt Nam, *Truyện cổ Grimm* đã được giới thiệu đến các độc giả qua nhiều lần xuất bản khác nhau, với các ấn bản truyện chữ theo bản dịch từ truyện của hai anh em nhà Grimm, thêm minh họa, hay truyện tranh do các họa sĩ vẽ lại với nội dung rút gọn... Riêng Đông Á cũng đã tái bản cuốn *Truyện cổ Grimm* từ nhiều năm trước, gồm 89 truyện theo bản dịch của dịch giả Hữu Ngọc, với tranh bìa và minh họa từ bản tiếng Pháp. Ấn phẩm chỉ bao gồm những truyện nổi tiếng nhất, được lưu truyền phổ biến ở Đức, và phù hợp với trẻ nhỏ Việt Nam.

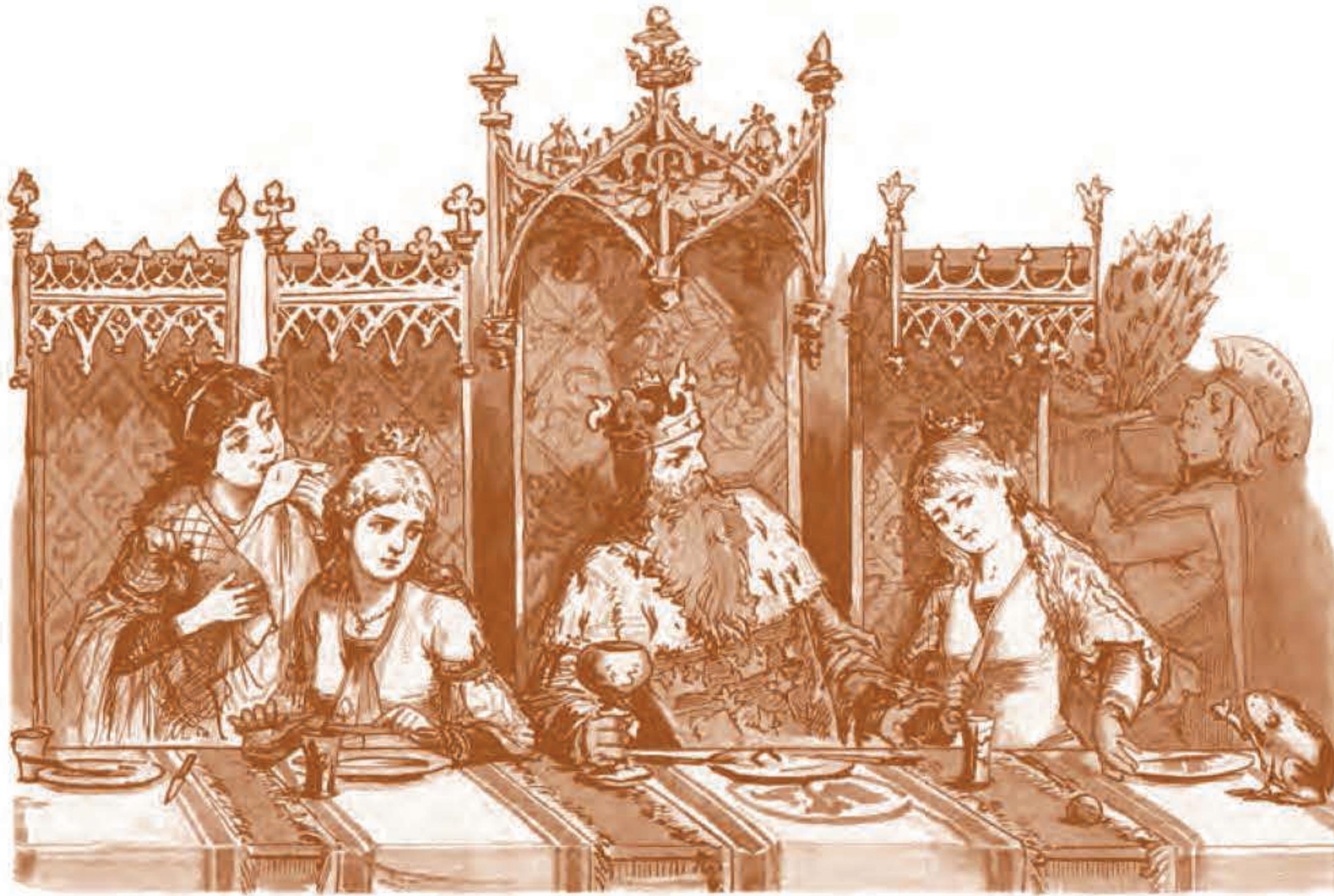
Lần này (2021), với mong muốn mang lại một ấn bản đầy đủ thiên về dành cho giới chơi sách và sưu tầm, chúng tôi tiếp tục ấn hành bản in mới với nhiều bổ sung về cả nội dung lẫn hình thức. Về nội dung, đây được xem là ấn bản đầy đủ nhất đến thời điểm hiện tại, gồm 215 truyện. Trong đó có 211 truyện đúng số lượng và thứ tự theo bản năm 1857, ấn bản cuối cùng của anh em nhà Grimm trước khi hai ông qua đời (bao gồm 10 truyện thuộc phần *Huyền thoại cho trẻ em*, có tính giáo dục và mang đậm màu sắc tôn giáo), ngoài 211 truyện này, còn có 4 truyện xuất hiện trong các ấn bản trước, nhưng về sau đã bị anh em Grimm loại ra do sự tương đồng với các tác phẩm của những nhà văn khác. 215 truyện này đến được đầy đủ với độc giả nhờ sự chuyển ngữ của ba dịch giả khác nhau, gồm dịch giả Hữu Ngọc – các bản dịch truyện Grimm của ông được tái bản thường xuyên trong suốt 50 năm qua; dịch giả Lương Văn Hồng – người dịch và biên soạn nhiều bộ sách tiếng Đức;

dịch giả Ngụy Hữu Tâm – người từng học tập và làm việc lâu năm tại Đức. Ngoài việc tổng hợp đầy đủ các truyện, chúng tôi còn tiến hành đối chiếu với bản dịch tiếng Anh của Dan L. Ashliman và Margaret Hunt để biên tập, thêm những phần bị thiếu, hiệu chỉnh tên riêng cho thống nhất với nguyên bản. Về hình thức, chúng tôi sử dụng bộ minh họa *Truyện cổ Grimm* đầy đủ đầu tiên của hai họa sĩ Philipp Grot Johann và Robert Leinweber xuất bản đầu thế kỷ XX tại Đức. Đây cũng là lần đầu bản minh họa của hai họa sĩ tài năng này được giới thiệu đến độc giả Việt Nam, với hầu hết các truyện đều có hình ảnh, giúp người đọc dễ hình dung hơn bối cảnh, nhân vật, trang phục và các vật dụng được miêu tả trong câu chuyện.

Vốn là những chuyện kể “được lưu truyền mà không bị phán xét là hay hay dở, cao nhã hay bình dân”, *Truyện cổ Grimm* như anh em nhà Grimm chia sẻ là “một tài liệu ghi chép về phong tục tập quán”. Vì vậy, trong ấn bản lần này, Đông Á tuân theo tinh thần đó của hai tác giả, giữ lại những câu chuyện theo nguyên bản nhằm truyền tải được tinh thần nguyên gốc và mang đậm hơi thở của một nước Đức cổ kính thế kỷ XIX. Vì lẽ đó, nếu các bậc phụ huynh lựa chọn ấn bản này để làm quà tặng cho con em mình thì hãy tiếp tục đồng hành cùng bé trong quá trình đọc sách, để chọn lọc được những truyện phù hợp với độ tuổi cụ thể, tránh làm sai lệch ý định ban đầu của chúng tôi khi cho ra mắt ấn bản này.

Nhưng xét cho cùng, *Truyện cổ Grimm* vẫn là những câu chuyện của thế giới diệu kỳ, công chúa ngự trên tòa tháp cao, hoàng tử xông pha rừng núi hiểm nguy, cô gái hiền lành, siêng năng gấp được hạnh phúc và may mắn... Thế giới ấy không chỉ ru ta vào giấc ngủ, mà còn gieo vào lòng ta ý niệm ban sơ nhất về cái thiện – ác ở đồi, ghi dấu đâu đó trong tâm trí những bài học đạo đức vỡ lòng mà ta không bao giờ quên. Và thế giới diệu kỳ ấy vẫn đang khép mình trong những trang sách, chờ đợi khi trang bìa được một bàn tay lật giở, câu chuyện lại mở màn: Ngày xưa ngày xưa...

LÊ NGUYỄN YẾN NHI
CÔNG TY ĐÔNG A



LỜI TỰA¹

Đau đớn bão hay những thiên tai khác đã tàn phá cả cánh đồng tươi tốt, hắn vẫn còn đâu đó một khoảnh đất nhỏ được những bờ giậu hay bụi cây che chở thoát khỏi cảnh tai ương và nơi đó vẫn sót lại những thân lúa kiên cường. Hấp thu ánh mặt trời, chúng sẽ tiếp tục lớn lên, đơn độc, chẳng ai ngó ngàng, và chẳng có lưỡi hái nào gặt lấy chúng mang về tích trữ nơi những kho thóc lớn. Nhưng rồi lúc mǎn hạ, khi lúa đã vàng ươm trĩu hạt, những con người nghèo khó sẽ tìm đến và những bàn tay thành khẩn của họ sẽ mót từng bông lúa, cẩn thận gom góp và trân quý thứ của ấy chẳng kém gì một bó lúa đầy, họ mang chúng về nhà. Chúng sẽ là miếng ăn trong suốt mùa đông giá rét và có lẽ là những hạt giống duy nhất cho tương lai.

Ta dường như mường tượng hình ảnh tương tự khi nhìn lại những gì huy hoàng của bao thời đại trước mà tối nay chẳng còn lại mấy gì.

1. Đây là lời tựa của bản *Truyện cổ Grimm* xuất bản trong thập niên đầu thế kỷ XX tại Đức của nhà xuất bản Deutsche Verlags-Anstalt, bao gồm lời tựa cho lần in thứ hai (xuất bản năm 1819) và phần giới thiệu những thay đổi, chỉnh lý trong các lần in tiếp theo. (D.A.)

Ngay cả ký ức về thời ấy cũng gần như mai một, trừ dăm bẵn dân ca, vài cuốn sách, đôi ba truyền thuyết và những chuyện kể dân gian này. Những chốn quây quần bên lò sưởi, những góc nhà xó bếp, những gầm cầu thang, những dịp hội hè náo nhiệt, những đồng cỏ và những cánh rừng tịch mịch, và vượt lên trên hết là trí tưởng tượng vô biên, tất cả đã trở thành những “bờ giậu” chở che và truyền lại những chuyện kể ấy từ đời này sang đời khác.

Nếu bây giờ không thu thập những chuyện kể dân gian ta còn đợi đến bao giờ nữa, khi càng ngày những người già giữ phong tục kể chuyện lại càng hiếm hoi đi. Tất nhiên, ai còn kể chuyện vẫn có cả kho tàng chuyện kể, bởi lẽ con người chết đi nhưng chuyện kể được chúng ta lưu truyền thì sẽ còn sống mãi. Dẫu vậy, phong tục kể chuyện đang vào lúc suy vi, cũng như những nếp nhà ấm cúng và góc vườn yên ả từ thời cha ông chúng ta đang nhường chỗ cho những thứ lộng lẫy mà phù phiếm luôn đổi thay liên tục, chẳng khác gì nụ cười nở trên môi một người khi nói về những chuyện kể này đây, nụ cười tuy đẹp nhưng chẳng chứa đựng gì. Nơi nào vẫn còn phong tục kể chuyện, chuyện kể sẽ tiếp tục được lưu truyền mà không bị phán xét là hay hay dở, cao nhã hay bình dân. Ta nghe kể chuyện và ta yêu mến chuyện kể tự nhiên như hơi thở, tình yêu mến ấy nào cần có lý do. Kể chuyện là một phong tục diệu kỳ – cũng diệu kỳ như những gì đi vào miền bất hủ – mà ta không thể nào cưỡng lại sức hút của phong tục ấy. Tuy nhiên, ta có thể dễ dàng thấy rằng phong tục này chỉ duy trì bền bỉ ở những nơi nào có sự đón nhận nồng hậu với thi ca hay nơi nào trí tưởng tượng vẫn chưa bị phá hoại bởi sự nhiễu nhương của đời sống. Cũng vì thế, chúng tôi không hề có ý ca tụng hay thậm chí biện hộ cho những chuyện kể trước các quan điểm đối nghịch. Chính sự tồn tại của chúng tới nay đã là lời minh chứng hùng hồn nhất. Thứ gì dẫn lối được tâm hồn ta, khiến lòng ta vui thích và xúc động, thì thứ ấy đã mang một giá trị riêng không thể nào chối cãi và ắt hẳn chảy ra từ cái mạch nguồn vĩnh cửu đã tươi tắn toàn bộ đời sống, cũng như một giọt sương đọng lại trên lá, đâu cô đơn bé nhỏ vẫn lấp lánh sáng ngời trong ánh hồng ban mai.

Vì lẽ đó, chuyện kể dân gian có cùng vẻ thuần khiết đã khiến con trẻ trong mắt chúng ta diệu kỳ và quý báu: cả hai có cùng cái “cửa ngõ tâm hồn”

xanh lơ, không tì vết, sáng ngời¹, đã đạt đúng kích cỡ dù những phần khác của cơ thể vẫn còn mỏng manh, yếu ớt và vụng về trước thế gian. Bởi thế mà chúng tôi mong muốn tuyển tập này không chỉ đóng góp hữu ích cho lịch sử của thi ca và thần thoại, mà đồng thời chính chất thi ca trong những chuyện kể sẽ phát huy tầm ảnh hưởng và làm khuây khỏa các độc giả, cũng từ đây tuyển tập này có thể được xem như một tài liệu ghi chép về phong tục tập quán. Để có được thành quả như thế, chúng tôi không cố đạt tới sự thuần khiết bằng cách e dè cắt bỏ những gì vốn là chuyện thường tình vẫn diễn ra hằng ngày. Lối cắt bỏ như vậy có thể gây hệ lụy là ta tự huyễn hoặc mình: điều gì có thể loại bỏ khỏi sách vở, điều ấy cũng có thể xóa tan trong thực tế. Chúng tôi truy cầu cái thuần khiết trong sự chân thực khi một câu chuyện được kể bộc trực, không vòng vo trước những gì xấu xa của đời sống. Dẫu vậy, chúng tôi đã cân nhắc bỏ ra khỏi bản sách mới này những gì không phù hợp với lứa tuổi trẻ em. Nếu các bậc phụ huynh vẫn cảm thấy có chỗ này chỗ nọ không lành mạnh và ngại ngần việc con mình đọc sách, như vậy cũng là lẽ thường tình, thì đơn giản thôi, các vị hãy lọc ra những truyện nào các vị chấp nhận được. Còn trên tổng thể, nghĩa là đối với những độc giả không có chướng ngại tâm lý, ta không cần phải bận tâm quá nhiều. Chính thiên nhiên là minh chứng tuyệt vời nhất cho ta, thiên nhiên để cây cối đơm hoa kết trái với hình hài và màu sắc riêng; dẫu chúng không vừa mắt ta, ta cũng không thể bắt chúng mang màu sắc hay hình hài nào khác. Cũng như mưa và sương cần thiết cho vạn vật; ta có thể chăm bẵm cho cây cối mình trồng trong nhà vì sợ chúng quá mỏng manh nếu để ngoài trời sẽ dâm ra hư hại, nhưng ta không thể vì vậy mà bắt trời ngừng đổ mưa hay chẳng giáng sương. Mọi thứ sinh trưởng tự nhiên đều có thể sum sê tươi tốt, và đó cũng là quy luật mà ta nên thuận theo. Cũng như ta hằng biết, không một cuốn sách bổ ích và có tầm ảnh hưởng nào (bao gồm cả *Kinh Thánh*) có thể bảo ban và dùi dắt con người mà trong sách ấy không đề cập (thậm chí còn đề cập nhiều hơn) những vấn đề tế nhị: đọc sách đúng đắn sẽ không dẫn tới cái xấu xa, mà như người ta vẫn bảo, sẽ là một sự tham chiếu vào nội tâm chúng ta. Không khác gì trẻ em vẫn vô tư chỉ về phía sao trời, trong khi những kẻ mê tín sợ rằng hành vi ấy mạo phạm thần linh.

1. Mà trẻ con luôn thu hút ánh nhìn nơi ta (*Fischart's, Gargantua, 129b.131b.*) và chúng thích thú vì điều ấy. (Các chú thích không ghi chú gì thêm trong *Lời tựa* này đều là của tác giả.)

Chúng tôi đã thu thập những chuyện kể này trong khoảng mười ba năm. Tập đầu tiên, ra mắt vào năm 1812, bao gồm phần lớn các chuyện kể truyền miệng tại Hessen và những vùng dọc sông Main, sông Kinzig thuộc địa hạt xứ Hanau – quê hương chúng tôi. Tập thứ hai được hoàn thành vào năm 1814 và được tổng hợp nhanh hơn, một phần vì chính cuốn sách đã làm quen được với nhiều người, những người ủng hộ và hiểu cuốn sách này có ý nghĩa thế nào, mục đích ra sao, và một phần vì may mắn – một nhân tố nghe có vẻ ngẫu nhiên nhưng thực chất là phần thường ưu ái cho những nhà sưu tầm miệt mài lao động và kiên gan bền chí. Nếu ta chịu tìm kiếm thì ta sẽ tìm ra, và có khi tìm được nhiều hơn ta tưởng, quy luật này nhìn chung đúng với các phong tục tập quán và những loại hình dân gian như thành ngữ, tục ngữ, các giai thoại. Nhờ những con người tử tế với tình bằng hữu hiếm thấy mà chúng tôi thu thập được những chuyện kể duyên dáng của vùng Hạ Đức từ các xứ Münster và Paderborn: các xứ này vẫn giữ được bản sắc vốn có và do đó mà các chuyện kể từ đây đều mang lại âm hưởng thân quen. Tại những địa hạt trừ danh lâu đời của nước Đức tự do chúng ta, kể chuyện vẫn là một phong tục tiêu khiển quen thuộc trong những dịp hội hè ở nhiều vùng, và văn hóa các vùng ấy vẫn dồi dào những bản dân ca cổ xưa và những phong tục lâu đời. Tại những vùng này, nơi ngôn ngữ viết vẫn chưa bị hư hoại bởi những yếu tố ngoại lai hay lối hoa mỹ hóa quá đà và ký ức của thế hệ đi trước vẫn còn được thế hệ đi sau bồi công gìn giữ – thường là trong một xã hội mà nền văn chương hàn lâm không đóng vai trò quá quan trọng – những chuyện kể truyền miệng lại được nhiều người biết đến hơn và có sức sống bền bỉ hơn. Vùng Hạ Sachsen dường như bảo tồn được nhiều chuyện kể hơn các vùng khác. Nếu có thể được thu thập ở thế kỷ XV hay thế kỷ XVI, vào thời đại của Hans Sachs¹ và Fischart², tuyển tập trên tay bạn đây ắt có thể hoàn thiện và phong phú hơn nhiều!

Chúng tôi đã may mắn có cơ duyên quen biết một nông phụ ở làng Niederzwehrn gần Kassel. Chính bà đã kể cho chúng tôi những chuyện hay nhất và chiếm phần lớn các chuyện trong tập thứ hai. Bà Viehmann

1. Hans Sachs (1494 – 1576) là một nhà thơ, nhà viết kịch, nhạc sĩ bậc thầy người Đức và đồng thời cũng là thợ đóng giày. (Đ.A.)

2. Johann Baptist Fischart (kh. 1545 – 1591) là một cây bút châm biếm người Đức, đồng thời là một luật sư và nhà hoạt động trong phong trào Phản Cải cách. (Đ.A.)

vẫn còn mạnh khỏe và vừa quá ngũ tuần. Nét mặt bà cương nghị, minh mẫn và vui tươi. Cặp mắt bà sắc bén và tinh tường¹. Bà giữ gìn những chuyện kể lâu đời trong tâm trí, chính bà cũng thấy đây là món quà trời ban và phần đông mọi người thường không thể bảo lưu lại quá nhiều ký ức. Cách bà kể chuyện đầy chú tâm, điềm tĩnh mà sống động lạ thường – rõ ràng bà tìm thấy niềm vui nơi việc ấy. Ban đầu bà thường kể theo dòng cảm xúc, sau đó khi được yêu cầu, bà sẽ chậm rãi kể lại, và ai đã ít nhiều làm quen sẽ có thể ghi chép lại những gì đã nghe. Bằng cách này, nhiều chuyện kể được lưu truyền chính xác từng lời từng chữ và vẫn trọn vẹn cái hồn riêng. Những ai có định kiến rằng xưa nay chuyện kể truyền miệng thường được thêm thắt và kể lại một cách tùy tiện phải gặp người phụ nữ này để thấy bà kể chuyện chính xác ra sao và bỏ công chừng nào với sự chính xác ấy. Mỗi khi kể lại, bà không bao giờ thay đổi nội dung, và nếu nhận thấy đã bỏ sót hoặc nhầm lẫn gì, bà lập tức đính chính, ngay cả khi đang kể giữa chừng. Chúng ta (vốn đã quen với sự đổi thay) khó hình dung nổi những người trung thành với lối kể chuyện ấy đã cống hiến to lớn ra sao cho phong tục này. Chính nhờ đó mà những chuyện kể truyền miệng vẫn vững vàng kinh qua thử thách của thời gian, đã trở nên thân thuộc với chúng ta và mang trong mình một sức hấp dẫn mà những thứ khác khó lòng đạt được bất kể lớp vỏ ngoài đẹp đẽ ra sao. Nền tảng sử thi của văn học dân gian không khác gì muôn vàn sắc xanh của cây cỏ



Bà Viehmann, phỏng theo tranh khắc axit
của Ludwig Grimm

1. Em trai Ludwig của chúng tôi có thực hiện một tranh khắc axit họa lại bà rất chính xác và vô cùng tự nhiên, tranh này nằm trong một bộ sưu tập các tác phẩm của Ludwig (được Weigel ở Leipzig xuất bản). Trong chiến tranh, người phụ nữ lương thiện này phải chịu nhiều khổ cực và bất hạnh. Con trai bà qua đời sau một cơn bạo bệnh, để lại dàn con thơ nheo nhóc. Chăm lo những đứa cháu mồ côi khiến gia cảnh của bà đã nghèo khó nay lại còn khốn đốn, đau ốm liên miên hơn. Bà mắc bệnh và mất vào ngày 7 tháng 11 năm 1816.

trong tự nhiên: mỗi sắc độ đều khiến ta thích thú, dễ chịu và không thấy nhảm chán bao giờ.

Ngoài những chuyện kể ở tập thứ hai, chúng tôi cũng nhận được vô số đóng góp cho tập đầu tiên, trong đó có những bản hoàn chỉnh hơn cho nhiều truyện trong tập đầu, đến từ cùng một nguồn hoặc các nguồn tương tự. Xứ Hessen trập trùng núi non tách biệt khỏi phố thị và chủ yếu phát triển nghề nông đã có được ưu thế trong việc bảo tồn những truyền thống và phong tục lâu đời. Cái thái độ nghiêm túc, cái đặc tính lạc quan, vững vàng và kiên định đã đi vào lịch sử, thậm chí cả sắc vóc cao lớn và duyên dáng của người vùng Hessen (vùng này xưa kia là chốn cư ngụ của tộc người Chatti) được di truyền và duy trì nhờ đó, tổng hòa lại đã khiến cho sự thô sơ và thô lậu (rất rõ rệt khi ta so sánh vùng này với những vùng khác như Sachsen) trở thành một lợi thế trong công cuộc bảo tồn. Và ta sẽ thấy rằng, các vùng miền còn đơn sơ nhưng tươi đẹp này, cũng như lối sống khắc khổ và nhọc nhằn nơi đây, là một phần của văn hóa Đức. Người xứ Hessen nhìn chung là một trong số những cư dân của quốc gia ta mà qua những giai đoạn đổi thay vẫn kiên tâm với bản sắc của mình cũng như kiên trì trụ lại chốn quê cha đất tổ.

Chúng tôi muốn kết hợp mọi thứ đã thu thập được cho tới nay vào ấn bản thứ hai này. Vì lẽ đó, tập đầu tiên gần như được hiệu chỉnh lại hoàn toàn. Những truyện còn thiếu khuyết được bổ sung cho hoàn chỉnh, nhiều truyện được viết lại cho rõ ràng và sáng sủa, và có rất ít truyện vẫn giữ nguyên như cũ. Chúng tôi cũng xem xét lại những chỗ có vấn đề và loại bỏ nếu cần, những gì bị loại bỏ là các chi tiết nhiều khả năng có nguồn gốc ngoại lai hoặc được thêm thắt. Thay vào đó, chúng tôi cho thêm các truyện mới, bao gồm những truyện từ Áo và xứ Bohemia, nhiều truyện cho đến nay vẫn ít ai biết đến. Trước đây, không gian để chúng tôi chú dãn rất hạn hẹp, hiện tại tuyển tập đã được mở rộng thêm nên chúng tôi có hẳn một tập thứ ba để tha hồ chú dãn. Như vậy, chúng tôi không những có thể mang tới cho độc giả những gì trước đó buộc lòng phải giữ lại, mà còn có thể thêm vào những phần mới trong bản sách mới, mong rằng những phần này sẽ khiến giá trị học thuật của các chuyện kể truyền miệng được nhận thức rõ ràng hơn.

Về phương pháp thu thập, với chúng tôi chính xác và trung thực là hai nguyên tắc hàng đầu. Chúng tôi không thêm thắt những quan điểm cá nhân vào, cũng không thêm mắm dặm muối bất kỳ sự kiện hay chi tiết nào.

Chúng tôi luôn cố gắng thuật lại nội dung y như những gì đã được nghe kể lại. Hiển nhiên phải nhấn mạnh rằng lối diễn đạt và cách hoàn thiện các chi tiết phần lớn chịu ảnh hưởng bởi văn phong của người viết, tuy vậy chúng tôi luôn cố gắng giữ lại những nét đặc thù độc đáo đã đề cập ở đây để tuyển tập này có thể phản ánh sự muôn hình vạn trạng của tự nhiên. Bất kỳ ai thực hiện công việc tương tự sẽ hiểu được việc thu thập các loại hình văn hóa này không bao giờ sơ sài và cẩu thả. Trái lại, dần theo thời gian, người thu thập sẽ rèn được sự lưu tâm và khéo léo phải có để tinh lọc từ những gì pha tạp ra cái chân phương, đơn sơ và vẹn nguyên. Những chuyện kể nào có nhiều dị bản nhưng bổ trợ lẫn nhau và có thể ghép lại với nhau mà không bị mâu thuẫn thì chúng tôi gộp lại thành một. Còn những chuyện kể có các phiên bản sai khác hoàn toàn, mỗi phiên bản có những đường dây tình tiết riêng biệt, thì chúng tôi ưu tiên sử dụng phiên bản hay nhất và dành những phiên bản còn lại cho phần ghi chú. Với chúng tôi, những phiên bản khác nhau này cũng đáng xem xét chứ không chỉ là những dị bản hay phiên bản sai lệch so với bản nguyên mâu đã thất truyền. Chúng tôi xem các phiên bản ấy là nỗ lực truyền tải nguyên mẫu phong phú qua nhiều cách thức khác nhau. Ta nên xem sự lặp lại của các câu, các tình tiết và các đoạn mở đầu trong chuyện kể dân gian như những hình mẫu mang tính sử thi xuất hiện đi xuất hiện lại, ngay từ những âm điệu đầu tiên của chuyện kể. Ta không nên diễn giải sự lặp lại đó theo hướng khác.

Chúng tôi rất vui mừng vì đã bảo tồn được các phương ngữ. Nếu có thể làm vậy trọn vẹn, các truyện ắt sẽ hoàn thiện hơn. Bởi lẽ chuyện kể dân gian chính là một trường hợp mà sự phát triển, cái tinh hoa và tính chất nghệ thuật của một ngôn ngữ đạt đến mức độ cao lại không hữu ích gì, và ta nhận thấy với trường hợp này, một ngôn ngữ văn chương được tinh lọc, như thứ ngôn ngữ ấy vẫn hữu hiệu trong các mục đích khác, có thể cho ra đời một chuyện kể văn vẻ và tròn tru nhưng lại kém hương sắc hơn và thiếu đi cái hồn. Thật đáng tiếc là phương ngữ Hạ Hessen ở các vùng lân cận xứ Kassel và khu vực ranh giới xứ Sachsen cũ với những khu vực ngữ âm Franken ở Hessen lại pha tạp tiếng Hạ Đức và tiếng Thượng Đức rất khó ghi chép.

Theo chúng tôi được biết, ở Đức không có tuyển tập chuyện kể dân gian nào như tuyển tập này. Người ta chỉ xuất bản một số ít chuyện kể tình cờ được lưu truyền hoặc xem những chuyện kể dân gian đơn thuần

là chất liệu thô để từ đó đắp vá nên những chuyện kể dài hơn. Chúng tôi kiên quyết phản đối kiểu chỉnh sửa như vậy. Không cần bàn cãi, một tác phẩm nghệ thuật có được cái hồn sống động một phần là nhờ sự sáng tạo và tái tạo mang tính thi ca; không có hai hoạt động kể trên, các chuyện kể truyền miệng sẽ không thể mang và dần bị thất truyền. Đây hiển nhiên là một trong những lý do mà mỗi vùng miền kể lại một câu chuyện theo cách riêng của vùng miền đó, và mỗi người kể chuyện kể lại theo cách riêng của mình. Nhưng ta phải phân biệt rạch ròi giữa sự khai triển có phần vô thức theo kiểu này – lối khai triển giống với sự sinh sôi nảy nở thầm lặng của cỏ cây được tưới tắm bởi chính những nguồn sống tự nhiên – với sự sửa đổi có chủ ý, vô tình bó buộc hay thậm chí ép buộc mọi thứ lại với nhau. Chúng tôi không tán thành cách làm như vậy. Loại chỉnh sửa kiểu này thường là ý thích mang tính tức thời của cá nhân người sáng tác, dựa trên nền tảng kiến thức của người đó. Còn trong quá trình sáng tạo tự nhiên hơn, tinh thần của văn hóa dân gian ngự trị trong mỗi chi tiết và không có chỗ cho bất kỳ sự thêm thắt mang tính cá nhân nào. Nếu ta hiểu được giá trị học thuật của các chuyện kể truyền miệng, ta cũng hiểu rằng các quan niệm và đặc điểm văn hóa thời xưa được bảo tồn trong những chuyện kể ấy, và như vậy rõ ràng hầu hết chúng sẽ mất đi giá trị nếu bị chỉnh sửa. Những loại chỉnh sửa kiểu này cũng chẳng có nghĩa lý gì với thi ca, bởi lẽ thi ca còn thực sự tồn tại nơi đâu ngoài nơi nó chạm được tới tâm tư con người, nơi nó xoa dịu và tiếp thêm sức lực hoặc sưởi ấm và bồi đắp tâm hồn ta? Mọi sự chỉnh sửa làm mất đi cái giản đơn, hồn hậu và sự thuần phác, không hoa mỹ sẽ khiến các chuyện kể mất đi cái hồn của chúng, cái hồn đã khiến ta luôn yêu mến chúng và không thấy chúng nhảm chán bao giờ. Có thể, trong trường hợp nào đó, những chuyện kể này cần điểm tô một chút duyên dáng, tao nhã, một chút dí dỏm mỉa mai những điều kệch cỡm của thời đại và một chút tinh tế để khắc họa cảm xúc. Việc này không hề khó khăn gì với một ngòi bút đã thấm nhuần tri thức văn chương, nhưng sự chỉnh sửa ấy mang tính hình thức hơn là thật sự hữu dụng. Sự chỉnh sửa này gợi đến việc nghe chuyện hay đọc truyện chỉ một lần rồi thôi (như chúng ta đã quen làm thế), khi đó nó phát huy được sự duyên dáng cũng như tăng thêm gia vị cho câu chuyện hấp dẫn. Nhưng nếu lặp đi lặp lại, sự duyên dáng sẽ thành ra nhạt nhẽo, cái trường tồn là những gì bình lặng, đơn sơ và tinh chất. Một ngòi bút có tài sửa chữa như vậy cũng giống như một người bất hạnh

được ban cho khả năng chạm vào thứ gì thì thứ ấy thành vàng, dấu có là thức ăn đi nữa. Liệu có sự giàu sang nào, của cải nào lấp đầy được cơn đói và làm dịu đi cơn khát của ta đây? Nhất là khi chỉ cần sức mạnh của trí tưởng tượng đã có thể tạo nên một thế giới thần thoại với vô vàn hình ảnh, thì những gì được trau chuốt bởi thứ ngôn ngữ thượng hạng nhất và công phu nhất lại thành ra khô khan, rỗng tuếch và mờ nhạt làm sao! Phải lưu ý rằng bên trên chúng tôi đang đề cập tới những sự chỉnh sửa nhằm tạo ra các chuyện kể hoa mỹ hơn và có tính văn chương hơn, chứ không hề nhầm tới những chỉnh sửa bộc phát trong quá trình lưu truyền chuyện kể vốn chịu tác động của ý thức hệ mỗi thời đại. Nói cho cùng, có ai vạch nổi ranh giới cho thi ca?

Chúng tôi mong mỗi tuyển tập này sẽ về tay những độc giả giàu tình yêu thương, xin trông cậy vào thiện ý nơi họ. Còn với ai cho rằng những áng văn khiêm nhường này không dành cho những con người bé mọn và nghèo khó, chúng tôi hy vọng người đó đừng biết tới cuốn sách này.

Kassel, ngày 3 tháng 7 năm 1819.

Ở bản in lần thứ ba này, chúng tôi thêm vào tập hai các chuyện kể mới, một số chuyện có phương ngữ Thụy Sĩ, nhờ đó tuyển tập này lại mở rộng thêm và ngày càng hoàn thiện. Bên cạnh đó, rất nhiều chuyện cũ đã được hiệu chỉnh, bổ sung và phong phú hơn nhờ được thêm vào các dì bǎn.

Ở lần xuất bản này, chúng tôi không cho in tập ba, vì nội dung của tập này trình bày về phương pháp khoa học của tuyển tập, do vậy khó tiếp cận độc giả hơn và vẫn còn nhiều bản tồn kho ở cửa hàng sách Reimerschen tại Berlin. Về sau, tập ba sẽ được xuất bản như một tác phẩm độc lập, trong đó nội dung sẽ bao gồm các lời dẫn nhập ở các bản in trước về bản chất của chuyện kể dân gian và về các phong tục dành cho trẻ em.

Nguyên tắc trung thành với các chuyện kể truyền miệng, diễn đạt không thêm thắt, cũng như sự phong phú và đa dạng (nếu chúng tôi không quá lời) của tuyển tập này đã đem đến sự yêu thích và ủng hộ của các bằng hữu trong lẫn ngoài nước. Trong số nhiều bản dịch thì bản dịch tiếng Anh có thể xem là đầy đủ nhất, bởi sự gần gũi của tiếng Anh với

tiếng Đức, và do vậy cũng đáng được ưu tiên nhất¹. Năm 1825, chúng tôi đã cho in một tuyển tập nhỏ hơn, trong đó cân nhắc bỏ ra những chuyện kể mà một số độc giả cảm thấy không phù hợp với trẻ em. Năm 1833 và 1836, tuyển tập nhỏ này cũng được tái bản.

Giá trị khoa học của những chuyện kể này có mối liên hệ đáng kinh ngạc với những thần thoại cổ, trong đó không hiếm là thần thoại Đức, thậm chí còn có bằng chứng cho thấy nguồn gốc liên quan tới các thần thoại Bắc Âu.

Nếu tuyển tập này vẫn còn được độc giả hoan nghênh, chúng tôi sẽ còn tiếp tục nỗ lực hoàn thiện cuốn sách hơn nữa.

Göttingen, ngày 15 tháng 5 năm 1837.

Chúng tôi vui mừng rằng trong số những chuyện mới thêm vào, nhờ đó tuyển tập này (bản in lần thứ tư) lại tiếp tục mở rộng, cũng có một chuyện từ quê hương chúng tôi. Một nông dân ở Zwehrn đã kể lại cho bằng hữu của chúng tôi chuyện *Tuổi thơ* trong lúc làm việc trên đồng ruộng. Ta thấy rằng sự thông thái trên đường phố còn chưa hoàn toàn bị yùi lấp.

Kassel, ngày 17 tháng 9 năm 1840.

Bản in lần thứ năm này tiếp tục được thêm vào nhiều chuyện kể mới, các chuyện khác cũng được hiệu chỉnh và bổ sung cho hoàn thiện hơn. Kể từ lần in đầu tới nay, tuyển tập của chúng tôi đã tăng thêm được trên năm mươi chuyện. *Đóa Hồng*, do Neureuther (München, năm 1836) tìm ra và tự tay minh họa, cho thấy tác động của những chuyện kể này lên hội họa. Ta cũng có các tranh minh họa duyên dáng cho chuyện *Cô Bé Quàng Khăn Đỏ*. Không thể nào không nhắc đến

1. Sau khi Francis Cohen đã giới thiệu chi tiết bản in cũ trên tờ *Quarterly Review* (tháng 5 năm 1810), tiếp đó là bản dịch thứ hai của Edgar Taylor chia làm hai phần với các tranh minh họa khắc đồng của Cruikshank (*German Popular Stories*, London, năm 1823 và 1826) và còn tái bản lần nữa (năm 1839). John Edward Taylor (*The Fairy Ring: A New Collection of Popular Tales Translated from the German of Jacob and Wilhelm Grimm*, London, năm 1846) đã cho in một tuyển tập khác với tranh minh họa của Richard Doyle. Ngoài ra còn rất nhiều bản dịch khác ở Anh và Pháp.

các tranh minh họa rất đẹp của Franz Poccetti cho từng chuyện; các tranh minh họa ở München, chuyện *Nàng Bạch Tuyết* (1837), chuyện *Hänsel và Gretel* (1838), chuyện *Ba điều ước dưới tiêu đề Chuyện cậu bé Frieder* (1839), cuối cùng là minh họa cho chuyện *Chu du thiên hạ để học rùng mình* không thấy đề năm. Tuyển tập nhỏ của chúng tôi được tái bản vào năm 1839 và 1841.

Berlin, ngày 04 tháng 4 năm 1843.

Cả bản in lần thứ sáu cũng được thêm vào những chuyện mới và được hiệu chỉnh cũng như hoàn thiện hơn. Chúng tôi luôn cố gắng ghi lại những tục ngữ và cách ngôn dân gian đặc biệt mà chúng tôi thu thập được, đây là ví dụ cho bạn đọc dễ hiểu: Khi muốn thể hiện sự hài lòng, một người nông dân sẽ nói: “Đẹp thua gì cỏ ba lá” và gợi lên khung cảnh cánh đồng cỏ ba lá um tùm, xanh tươi làm trái tim ta rộn ràng nhịp đập; ngay cả các thi sĩ Đức xưa kia cũng nói lời ngợi khen bằng hình ảnh ấy.

Erdmannsdorf, Schlesien, ngày 30 tháng 9 năm 1850.

Một chuyện kể từ thế kỷ XV đã được thêm vào bản in lần thứ bảy, và các chuyện kể truyền miệng khác cũng thay thế một vài chuyện đã được bỏ ra, những chuyện này, như chúng tôi đã đề cập ở bản in mới của tập thứ ba, có nguồn gốc ngoại lai.

Berlin, ngày 23 tháng 5 năm 1857.

Bản in lần thứ tám do Herman Grimm phát hành mà cả ở lần in này lẫn những lần sau, ông đều không thực hiện bất kỳ thay đổi gì.

Và bây giờ cũng còn một lời của chúng tôi cho bản in lần này. Anh em nhà Grimm từ lâu đã rất quan tâm đến việc minh họa các truyện cổ tích cho trẻ em và gia đình. Họ cảm thấy trí tưởng tượng của trẻ em và độc giả sẽ bay bổng hơn nhờ nghệ thuật của họa sĩ. Chính bản thân

hai người cũng can thiệp vào việc minh họa cho các truyện cổ tích trong bản dịch sang tiếng Anh. Họ chăm lo việc bản in tiếng Đức của họ được trang trí bởi bức tranh đẹp này hay bức khác. Chính vì vậy họ đã chụp lại hình ảnh người nông phụ ở gần Kassel từ bức tranh do người em in khắc để làm cơ sở cho minh họa của chúng tôi. Nhưng dù truyện cổ tích thường xuyên cung cấp đề tài cho họa công và họa sĩ – nhân đây chúng tôi cần nhắc tới Moritz von Schwind, họa sĩ vẽ tranh minh họa truyện cổ tích tài ba nhất – thì vẫn phải nói là một bản in truyện cổ tích cho trẻ em và gia đình được minh họa đầy đủ như bản lần này là chưa từng xuất hiện ở Đức, nên những nghệ sĩ đã cống hiến cho bản in đẹp đẽ này bằng tài năng và đam mê cũng rất xứng đáng được giới thiệu cá nhân ở đây cho bạn đọc. Philipp Grot Johann đã bắt đầu công việc, nhưng cái chết đã ngăn ông hoàn thành nó; việc kết thúc vì thế được chuyển cho họa sĩ minh họa không hề kém về tài năng là Robert Leinweber.

Philipp Grot Johann là một trong những họa sĩ và nhà minh họa người Đức nổi tiếng nhất trong thời đại của ông. Johann sinh tại miền Bắc nước Đức và người ta cũng sẽ nhận ra tính cách vùng miền này từ nét hài hước duyên dáng của người họa sĩ. Ông sinh ngày 27 tháng 6 năm 1841 tại Stettin (nay là thành phố cảng Szczecin thuộc Ba Lan). Lúc đầu ông muốn học chế tạo máy nên làm thợ học nghề cơ khí, rồi làm thợ máy ở xưởng đóng tàu Vulkan tại Stettin. Vào đầu những năm 1860, ông tiếp tục theo học Đại học Bách khoa (Polytechnikum) ở thành phố Hannover.

Lúc này, ông nhận ra thiên hướng nghệ thuật của bản thân và quen được bạn bè cùng các nhà tài trợ quý mến mình. Với sự giúp đỡ của Peter von Cornelius, sau đó ông đến thành phố Düsseldorf. Tại đây ông theo học Karl Ferdinand Sohn, sau khi ông này mất ông học với giáo sư Karl Lasch. Từ đó cho tới cuối đời, Grot Johann luôn ở Düsseldorf, ngoại trừ năm 1867 ông đến thành phố Antwerp. Trong số các tác phẩm nổi bật



*Philip Grot Johann
(chân dung tự họa)*

nhất của ông, phải kể đến nhiều hình minh họa cho các bản in tuyệt đẹp các tác phẩm của Goethe và Schiller, do nhà xuất bản Deutsche Verlags-Anstalt của Đức ấn hành. Cả ở việc thực hiện các bảng tốt nghiệp, danh thiếp và các tác phẩm tương tự bằng màu nước thì Grot Johann cũng thể hiện tài năng vô biên. Nhưng hơn hết, trong việc minh họa truyện cổ tích, ông đã làm việc với niềm hăng say đặc biệt, và từ những bức tranh thì người ta thấy ngay ông đã có hứng thú, vui vẻ và yêu thích thế nào khi làm việc, cũng như rất sáng tạo về hình thức minh họa giữa các trang, nhiều hơn cả việc tạo bóng và trang trí đường điếm, khi yêu cầu mỗi trang có một nét riêng. Điều đó có được nhờ sự phóng khoáng trong việc xử lý chất liệu, cũng như cảm xúc bản thân và khéo léo hòa quyện chúng với nhau, chẳng hạn như khi ông để cho con quỷ mà bà nội rút ba sợi tóc bằng vàng ra, đọc tờ báo chứng khoán *Börsen-Zeitung*, và còn nhiều thứ tương tự nữa. Đáng tiếc là đời không thương Grot Johann để cho ông kết thúc “tác phẩm chính” của cuộc đời – như ông thường tự gọi như thế. Sau nhiều đau đớn, Grot Johann mất ngày 26 tháng 10 năm 1892 tại thành phố Düsseldorf.

Người kế tục Philipp Grot Johann là Robert Leinweber, một người Đức gốc Bohemia. Ông sinh năm 1845 ở Böhmisches Leipa, cha là thầy giáo trung học nên từ sớm ông đã được giáo dục chu đáo. Theo học ngành cơ khí ở Praha và Vienna, nhưng toán – lý chẳng làm ông thích thú, nên vào năm 21 tuổi ông quyết định cống hiến đời mình cho hội họa – lĩnh vực mà ngay từ nhỏ ông đã có tài năng thiên bẩm. Ông đến München, học kỹ thuật cổ đại với giáo sư Strähuber, nhưng phải bỏ dở do cuộc chiến năm 1866.

Sau đó ông tới Dresden để ở gần nhà hơn, và trở thành học trò của Julius Hübner, người về sau làm giám đốc bảo tàng tranh. Để theo đuổi nghệ thuật, ông phải nhận các đơn hàng rất khác nhau nhưng chính thế lại đạt tới sự đa năng nhất định. Nhờ chiến thắng trong một cuộc thi, ông được tới Italy. Ở Italy, Sicily và Tunis, ông biết tới



Robert Leinweber

phương Đông và cũng như nhiều họa sĩ Áo nổi tiếng khác, đã bị màu sắc rực rỡ của nền nghệ thuật này quyến rũ. Tuy nhiên, ngoài những bức tranh phương Đông, ông cũng vẽ nhiều chân dung (năm bức ở thành phố Augsburg vào năm 1892), rồi một gờ trang trí cầu thang ở dinh thự Villa Hartmann tại Laubegast gần thành phố Dresden, và nhiều thứ khác. Một bức tranh quạt mà Hội nghệ thuật München mua của ông đã làm nhà xuất bản Deutsche Verlags-Anstalt chú ý đến, và rồi ông trở thành họa sĩ minh họa cho Georg Ebers, cho Hauffs và cuối cùng là cho các truyện cổ tích của anh em nhà Grimm.

HOÀNG TỬ ẾCH¹

Từ thời xa xưa lắm rồi, khi chuyện ước nguyện còn hiệu nghiêm, một ông vua có mấy cô con gái, cô nào cũng xinh đẹp cả. Riêng cô út xinh đẹp lộng lẫy đến nỗi mặt trời tuy đã trông thấy nhiều cảnh đẹp mà vẫn phải ngạc nhiên mỗi khi chiếu vào nàng.

Sát bên cung điện nhà vua là khu rừng lớn rậm rạp âm u. Bên gốc cây đoạn cổ thụ của khu rừng có một cái giếng. Vào những hôm trời oi bức, công chúa thường vào rừng, ngồi chơi bên bờ giếng nước trong mát. Để cho đỡ buồn tẻ, công chúa thường lấy một quả cầu vàng tung lên để bắt chơi. Đó là đồ chơi mà nàng quý nhất.

Một hôm, quả cầu vàng tung lên lại không rơi vào tay nàng mà rơi trượt xuống đất rồi lăn thẳng xuống giếng nước. Công chúa nhìn theo, nhưng quả cầu đã biến mất. Giếng sâu đến nỗi không ai nhìn thấy đáy. Công chúa liền òa lên khóc. Nàng khóc mỗi lúc một to, khóc mãi không nguôi. Trong khi nàng đang than khóc như vậy, bỗng có một giọng nói:

– Công chúa ơi, có chuyện chi mà nàng kêu khóc đến nỗi đá nghe cũng phải động lòng thương?

Nàng nhìn quanh xem tiếng nói vang từ đâu tới, chợt thấy một con ếch nhô chiếc đầu to tướng và xấu xí lên khỏi mặt nước. Nàng bảo:

– Chà, tướng ai! Hóa ra là cái giống vân bì bõm dưới nước lâu nay! Tôi khóc nhớ quả cầu vàng của tôi, nó rơi xuống giếng mất rồi.

Ếch an ủi:

– Công chúa cứ yên tâm, đừng khóc nữa. Chắc chắn tôi sẽ có cách

1. Các chi tiết trong truyện có lúc là “vua ếch”, có lúc là “hoàng tử ếch”. Chúng tôi nhất quán là “hoàng tử ếch”. (Đ.A.)



giúp công chúa. Nhưng nếu tôi lấy được quả cầu áy lên cho công chúa thì công chúa mất gì cho tôi nào?

Nàng đáp:

– Chú ếch thân mến, tùy chú, chú muốn lấy gì của tôi thì lấy: quần áo, châu báu, cả đến mũ miện bằng vàng tôi đang đội đây cũng được.

Ếch nói:

– Quần áo, châu báu của công chúa, cả chiếc mũ miện bằng vàng công chúa đội, tôi cũng chẳng thích. Nhưng nếu công chúa thương yêu tôi, cho tôi làm bạn tri âm, bạn chơi đùa, được ngồi cạnh công chúa bên chiếc bàn xinh xinh của nàng, được ăn cùng công chúa từ chiếc đĩa xinh xinh bằng vàng của nàng, được uống cùng công chúa từ chiếc cốc xinh xinh của nàng, được ngủ trên chiếc giường xinh xinh của nàng; nếu công chúa hứa với tôi như vậy thì tôi sẽ lặn xuống tìm bằng được quả cầu vàng lên cho công chúa.

Công chúa nói:

– Ủ, được, tôi hứa với ếch, tôi sẽ làm tất cả những điều ếch muốn, miễn ếch lấy lại được cho tôi quả cầu vàng.

Hứa như vậy nhưng trong thâm tâm nàng nghĩ con ếch kia ăn nói thật ngớ ngẩn. Hạng ếch ngồi đáy giếng thi nhau kêu ôm ộp suốt ngày với đồng loại thì làm bạn tri âm với người thế nào được.

Ếch thấy nàng bằng lòng bèn ngụp đầu lặn xuống dưới đáy giếng. Chỉ một lát sau nó đã ngoi lên, mõm ngoạm quả cầu ném lên cổ. Thấy lại đồ chơi đẹp đẽ của mình, công chúa rất mừng. Nàng cúi xuống nhặt lên, rồi chạy ngay đi. Ếch gọi vội theo:

– Đợi tôi với, đợi tôi với! Nàng hãy đem tôi đi cùng, tôi làm sao mà chạy nhanh như nàng được?

Ếch lấy hết sức gân cổ kêu ôm ộp gọi vội theo nhưng vô ích! Công chúa chẳng thèm nghe, vội vã chạy về nhà, và chẳng mấy chốc đã quên hẳn con ếch tội nghiệp kia. Ếch ta đành trở về giếng của mình.

Hôm sau, khi cùng vua cha và quân thần ngồi bên bàn ăn và dùng bữa từ chiếc đĩa xinh xinh của mình, công chúa bỗng nghe thấy có tiếng nhảy lạch bạch, lạch bạch ở những bậc thang bằng cẩm thạch. Khi âm thanh ấy lên tới nơi, trước phòng vang lên tiếng gõ cửa:

– Công chúa, công chúa trẻ đẹp nhất ơi, mở cửa cho tôi vào!

Nàng chạy nhanh ra, định xem ai gọi cửa. Mở cửa ra, nàng thấy ếch đang ngồi. Nàng vội đóng sầm cửa, trở lại ngồi bên bàn ăn, lòng đầy hồi hộp lo sợ.

Thoáng nhìn, vua biết ngay trong ngực công chúa đang đánh liên hồi. Vua hỏi:

– Con cưng của ta, có điều gì làm con sợ hãi thế? Phải chăng có một người khổng lồ đứng ngay trước cửa định bắt con đi?

Nàng đáp:

– Thưa cha không ạ. Đó không phải là người khổng lồ mà là một con ếch ghê tởm!

– Ếch muốn gì ở con?

– Trời, cha yêu dấu! Hôm qua, khi con ngồi chơi bên bờ giếng nước thì quả cầu vàng của con rơi xuống giếng. Vì con khóc lóc mãi nên ếch lặn xuống mò quả cầu lên cho con. Nhưng cũng vì ếch đòi con phải hứa hẹn với nó, nên con hứa rằng nó sẽ là bạn tri âm của con, nhưng lúc ấy con nghĩ chắc nó chẳng bao giờ nhảy nổi lên cạn được. Hiện giờ nó đã ở ngoài cửa và muốn vào với con.

Đúng lúc ấy có tiếng gõ cửa lần hai và có tiếng gọi:

– Công chúa trẻ nhất ơi,
Mở cửa cho tôi vào!
Nàng chẳng nhớ hay sao,
Bao điều nàng hứa hẹn,
Bên bờ giếng mát trong?
Công chúa trẻ nhất ơi,
Mở cửa cho tôi vào!

Lúc đó, vua nói:

– Con đã hứa thì phải giữ lời hứa chứ. Con cứ ra mở cửa mời ếch vào.

Công chúa ra mở cửa, ếch liền nhảy theo nàng sát gót tới bên ghế nàng ngồi. Ếch nói với nàng:

– Nàng hãy nhấc tôi lên chỗ nàng ngồi!

Công chúa lưỡng lự mãi, sau vua phải ra lệnh cho nàng làm. Nhưng vừa mới lên ghế, ếch lại đòi lên bàn. Ngồi trên bàn rồi, ếch nói:

– Nào, hãy đẩy chiếc đĩa vàng xinh xinh của nàng lại gần tôi để chúng ta cùng ăn.

Công chúa đành phải làm theo, nhưng ai cũng thấy rõ là nàng miên cưỡng. Éch ăn ngon lành, nhưng công chúa ăn miếng nào vào cũng như muốn tắc lại ở cổ. Éch nói:

– Tôi ăn no nê rồi, giờ thấy người đâu ra mệt mỏi. Mang tôi vào căn buồng nhỏ xinh của nàng, rủ giường trải lụa cho ngay ngắn để chúng ta cùng lên giường ngủ.

Công chúa òa lên khóc vì ghê sợ con éch da lạnh nhướp nháp mà nàng không dám sờ đến – ấy thế mà nó lại sẽ ngủ trên chiếc giường xinh đẹp, sạch sẽ của nàng. Thấy vậy nhà vua nổi nóng. Người nói:

– Ai đã giúp con trong cơn hoạn nạn thì sau đó con không được phép khinh thường họ.

Lúc đó, công chúa lấy hai ngón tay nhấc éch lên, đặt vào một góc buồng. Khi nàng lên giường nằm, éch nhảy tới bảo:

– Tôi mệt. Tôi muốn được ngủ trên giường êm như nàng. Nàng hãy đưa tôi lên, nếu không tôi mách vua cha.

Công chúa tức lăm, nhấc éch lên rồi lấy hết sức ném éch vào tường, lòng nghĩ thầm:

– Giờ thì mày yên thân nhé, đồ éch ghê tởm!

Nhưng khi con éch rơi xuống, nó không còn là éch nữa mà đã hóa thành một vị hoàng tử có đôi mắt xinh đẹp và dễ thương. Theo ý muốn của nhà vua, chàng thành người bạn tri âm và người chồng yêu dấu của nàng. Chàng kể lại cho nàng nghe, rằng chàng bị một mụ phù thủy độc ác phù phép, và không có ai ngoài nàng có thể giải thoát được chàng khỏi giếng. Hai người định hôm sau sẽ về nước của hoàng tử. Họ ngủ một mạch cho đến sáng. Khi mặt trời đánh thức họ dậy thì có một cỗ xe đến, xe thăng túng ngựa trắng, buộc xích vàng, trên đầu chúng cắm lông đà điểu trắng, đằng sau chúng là người hầu của hoàng tử – bác Heinrich trung thành. Trước kia, khi thấy chủ mình bị biến thành éch, bác Heinrich trung thành rất buồn, buồn đến nỗi bác đã đánh ba vòng đai sắt quanh tim để tim khỏi bị đau buồn mà vỡ ra. Cỗ xe này sẽ rước hoàng tử về nước. Bác Heinrich trung thành đỡ chàng và công chúa lên xe, rồi ngồi lên chỗ của bác. Bác vui mừng khôn xiết vì thấy phép yêu đã được xóa bỏ.